TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/HS-ST
Ngày: 01-6-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên.

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136 /2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Đăng Cát T, sinh năm: 1986, tại: Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đ; Tạm trú: 179/2 đường P, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Trình dược viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Th, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1960; Có chồng tên Văn H, sinh năm 1975 và 03 con lớn sinh năm 2011 nhỏ sinh năm 2021; tiền sự: không; tiền án: Ngày 18/02/2014, Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh P tuyên phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng, đã chấp hành xong thời hạn thử thách, xác minh tại Chi cục Thi hành án huyện T, tỉnh Đ xác định Nguyễn Đăng Cát T đã chấp hành khoản án phí. Chưa thực hiện bồi thường trách nhiệm dân sự. Nhân thân:

- Bản án số 32/2022/HS-ST ngày 9/5/2022, Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Bản án số 62/2022/HS-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Bản án số 42/2022/HS-ST, ngày 16/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Đ tỉnh Đ xử phạt 03 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" .

- Bản án số 201/2023/HS-ST ngày 10/5/2023 Tòa án nhân dân thành phố biên H, tỉnh Đ xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản",.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T, Bộ Công an. Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Thị B, sinh năm: 1976, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 29/16 đường số B, tổ B, khu phố N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1937 (đã chết); Có chồng tên Nguyễn Lê Th, sinh năm 1969 đã ly hôn và 02 con lớn sinh năm 2004 nhỏ sinh năm 2007; tiền sự: không; tiền án: Không; Nhân thân: Bản án số 42/2022/HS-ST ngày 16/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Đ tỉnh Đ xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; (Bị cáo có mặt).

Bị hại: Anh Lê Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ đường T, Phường M, quận Gò Vấp , Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Anh Đỗ Ngọc C, sinh năm 1965; địa chỉ đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Tuyến D, sinh năm 1985; địa chỉ: 383B đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ chí Minh (Vắng mặt).

Anh Phạm Tiến D, sinh năm 1990; địa chỉ đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đăng Cát T biết hình thức "chuyển tiền tương lai" qua ứng dụng internetbaking của ngân hàng Vietcombank. Với hình thức chuyển tiền này, người chuyển tiền sử dụng app chuyển tiền trong tài khoản chuyển tiền qua tài khoản của người khác, ngân hàng Vietcombank sẽ gửi thông báo bằng biên lai giao dịch thành công số tiền đã chuyển. Ngay sau đó, người chuyển tiền muốn hủy giao dịch sẽ được quyền thao tác bằng lệnh hủy giao dịch. Lúc này, số tiền đã chuyển sẽ được giữ lại trong tài khoản của người chuyển và giao dịch chuyển tiền vừa thực hiện trước đó sẽ bị hủy. T nảy sinh ý định dùng thủ đoạn chuyển tiền tương lai để lừa đảo chiếm đoạt tài sản và kể cho Nguyễn Thị B biết về hình thức "chuyển tiền tương lai".

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/07/2021, Nguyễn Thị B chạy xe Yamaha (không nhớ rõ biển số) chở Nguyễn Đăng Cát T đi mua đồ, khi đến cửa hàng mua bán xe máy tại địa chỉ: 747 đườngT, Phường M, quận G của anh Đỗ Ngọc C (sinh năm: 1965, chỗ ở: 747 đường T, phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh), T nói B dừng xe để T vào mua xe gắn máy thì B hiểu là vào để chiếm đoạt xe gắn máy nên dừng xe, đứng ngoài chờ T vào hỏi mua xe. T sử dụng tên giả là Nguyễn Vũ Bảo K, cư trú tại: 17 đường P, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi anh C mua chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số: 59S2 – 821.06 với giá tiền 27.000.000 đồng, anh C đồng ý nhận tiền qua chuyển khoản. Anh C cung cấp số tài khoản của con trai là Đỗ Hoàng S, T thực hiện giao dịch chuyển tiền tương lai và chụp màn hình điện thoại thể hiện giao dịch thành công đưa cho anh C xem, anh C kiểm tra tài khoản chưa thấy tiền chuyển vào nhưng tin tưởng có thể do Ngân hàng chuyển chậm nên đã đồng ý viết giấy bán và giao xe cho Nguyễn Đăng Cát T. Sau khi T chiếm đoạt được xe máy Honda Vision biển số: 59S2 – 821.06,B cùng T mang xe này cầm cố cho cho một nam thanh niên (không rõ lai lịch) tại tiệm cầm đồ không rõ địa chỉ trên đường P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh được 14.000.000 đồng. T và B chia nhau mỗi người 7.000.000 đồng,B tiêu xài hết. Một thời gian sau, T một mình đi chuộc xe Honda Vision biển số: 59S2 – 821.06 sử dụng đến tháng 10/2021 thì mang xe cầm cố tại tiệm cầm đồ Đ, địa chỉ: 334 đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Phạm Tiến D (sinh năm 1990, nơi cư trú: 334 đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) làm chủ với số tiền 15.000.000 đồng, T lấy tiền tiêu xài hết. Anh Phạm Tiến D đã giao nộp xe gắn máy Honda Vision biển số: 59S2 – 821.06 cho Công an quận Gò Vấp để điều tra, anh Dũng không biết xe T bán do phạm tội mà có.

Với thủ đoạn trên, khoảng 16 giờ 00 ngày 01/10/2021,B chở T đến cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy địa chỉ 557 đường P, Phường N, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Lê Văn T (sinh năm 1969, nơi cư trú: 31/8 Trần Văn K, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) làm chủ, B đứng ngoài, T vào nói chuyện với anh Lê Văn T hỏi mua xe Honda AirBlade biển số 59S1-967.99. Anh T cho biết giá bán xe là 23.000.000 đồng, T đồng ý và đề nghị thanh toán tiền qua tài khoản ngân hàng. Anh T đưa số tài khoản để T dùng điện thoại di động chuyển từ tài khoản của T vào tài khoản của anh T số tiền 23.000.000 đồng rồi chụp lại màn hình đưa anh T xem. Thấy tin nhắn báo tài khoản của T đã chuyển 23.000.000 đồng vào tài khoản của mình nên anh T tin tưởng giao xe Honda AirBlade biển số 59S1-967.99 số máy JF46E4294932, số khung 4600DY377341 cùng giấy đăng ký xe cho T để sử dụng. Anh T có hỏi mượn chứng minh nhân dân nhưng T nói không có và mượn chứng minh nhân dân của B. B không biết T mượn chứng minh nhân dân để làm gì, do không có chứng minh nhân dân nên B lấy trong người ra chứng minh nhân dân tên Lê Thị

Tuyết T đưa cho T. Sau khi chiếm đoạt được xe thì T và B mang cầm cố cho một nam thanh niên không biết tên tại tiệm cầm đồ không nhớ địa chỉ trên đường D, Phường N, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được 8.000.000 đồng. T và B chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng. Sau đó, T một mình đi chuộc xe máy Honda AirBlade biển số 59S1-967.99 rồi sử dụng đến ngày 10/11/2021, T chạy xe Honda AirBlade biển số 59S1-967.99 đến bán cho anh Phạm Tuyến D (sinh năm 1985, thường trú: Tân An, Lộc Hòa, thành phố N, tỉnh N) tại tiệm cầm đồ P địa chỉ 383B đường C, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 15.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đưa T đi xác định địa điểm tiêu thụ xe AirBlade và T xác định được nơi bán, người mua. Anh Phạm Tuyến D đã giao nộp xe này cho Công an quận Gò Vấp để điều tra.

Đến tháng 4/2022, T nói đã bị người khác tố cáo việc T và B lừa đảo chiếm đoạt xe gắn máy nênB đã đưa đủ cho T số tiền do phạm tội mà có là 11.000.000 đồng để T chuộc xe, T đã tiêu xài hết số tiền này. T khai nhận, lúc đầu muốn che giấu cho Nguyễn Thị B nên đã khai đi cùng Lê Thị Tuyết T, tuy nhiên, tại phiên Tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự do Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử ngày 16/9/2022, T đã suy nghĩ lại thành khẩn khẩn khai báo để mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật nên đã khai rõ Nguyễn Thị B là đồng phạm với T thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt xe gắn máy tại quận Gò Vấp. Quá trình điều tra, Nguyễn Đăng Cát T và Nguyễn Thị B đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Anh Phạm Tiến D và Phạm Tuyến D khi mua xe của Nguyễn Đăng Cát T, không biết xe phạm tội mà có nên không đủ cơ sở để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Tuyết Tcó dán ảnh của Nguyễn Thị B, B khai nhận: chứng minh nhân dân tên Lê Thị Tuyết T là do B nhặt được gần đường ray xe lửa tại quận Gò Vấp nhưng không nhớ địa điểm. Trong mùa dịch covid, B không có chứng minh nhân dân nên B lấy hình của mình dán vào chứng minh nhân dân tên Lê Thị Tuyết T để đi đường nhưng B chưa sử dụng. Ngày 14/7/2021, khi T hỏi mượn chứng minh nhân dân thì B không biết mục đích để làm gì, trong lúc gấp đã lấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị Tuyết T cho T mượn. T không biết chứng minh nhân dân này của người khác, không phải củaB. Sau đó,B đã vứt bỏ chứng minh nhân dân tên Lê Thị Tuyết T, hiện không nhớ vứt bỏ tại đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được. Vật chứng vụ án:

Một xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59S2 – 821.06 số máy JF66E0289861, số khung RLHJF5819GY289839. Kết quả xác minh tại Đội Cảnh sát giao thông Công an quận Gò Vấp xác định: Xe mô tô hai bánh hiệu Honda Vision biển số 59S2 – 821.06 số máy JF66E0289861, số khung RLHJF5819GY289839 do anh Nguyễn Phúc H địa chỉ 33/9A1 đường N,

Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Anh Nguyễn Phúc H khai đã bán xe mô tô này cho anh Đỗ Ngọc C, sinh năm: 1965, nơi cư trú: đường T, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 24.000.000 đồng nhưng ký giấy theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/5/2021 tại Văn phòng công chứng Dương Thị Cẩm T địa chỉ đường Q, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp đã trả lại tài sản cho anh Đỗ Ngọc C.

Một xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59S1-967.99 số máy JF46E4294932, số khung RLHJF4600DY377341. Kết quả xác minh tại Đội Cảnh sát giao thông Công an quận Gò Vấp xác định: Xe mô tô hai bánh hiệu Honda AirBlade biển số 59S1-967.99 số máy JF46E4294932, số khung RLHJF4600DY377341 do Lê Bá Đ, sinh năm 1965, thường trú: 76/25 đường L, phường B, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Anh Đ khai đã bán xe này cho anh Lê Văn T, sinh năm 1969, thường trú: đường T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 18.000.000 đồng nhưng ký hợp đồng ủy quyền ngày 16/6/2021 tại Văn phòng công chứng Huỳnh Thị Ngọc Y địa chỉ 50A đường N, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp đã trả lại xe cho chủ sở hữu là anh Lê Văn T.

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 12/01/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cấp quận – Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận: Xe mô tô hai bánh hiệu Honda Vision biển số 59S2 – 821.06 số máy JF66E0289861, số khung RLHJF5819GY289839 đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 14/7/2021 là 16.666.667 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Xe mô tô hai bánh hiệu Honda AirBlade biển số 59S1-967.99 số máy JF46E4294932, số khung RLHJF4600DY377341 đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 01/10/2021 là 20.600.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại anh Đỗ Ngọc C và anh Lê Văn T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì khác. Anh Phạm Tiến D và anh Phạm Tuyến D yêu cầu Nguyễn Đăng Cát T phải trả cho mỗi người là 15.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 91/CT-VKS – Q. GV, ngày 24/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Nguyễn Đăng Cát T và Nguyễn Thị B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà Đại diện viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử

phạt bị cáo Nguyễn Đăng Cát T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của các bản án đã tuyên. Buộc bị cáo bồi thường cho anh D số tiền 15.000.000 đồng và anh D số tiền 15.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt của các bản án đã tuyên. Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật

[2] Tại phiên toà hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì Nguyễn Thị B đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai của bị cáo và lời khai của bị cáo T tại cơ quan điều tra phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng với tang vật đãTgiữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Nguyễn Đăng Cát T và Nguyễn Thị B đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt trừng trị được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 .

Đây là vụ án có tình chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T giữ vai trò chủ mưu đề xướng rủ rê bị cáo B. Bị cáo B điều khiển xe chở T cùng tham gia. Bằng thủ đoạn gian dối bị cáo T giả vờ đặt lệnh chuyển tiền để thanh toán tiền mua xe để anh C và anh T tin tưởng giao xe cho các bị cáo sau đó bị cáo T hủy lệnh chuyển tiền để chiếm đoạt tài sản của bị hại là xe Honda Vison, biển số 59S2-821.06 và chiếc xe Honda Airblade biển số 59S1-967.99. Khi lấy được xe các bị cáo đem đi cầm xe chia tiền nhau tiêu xài. Tổng giá trị các bị cáo chiếm đoạt là 37.266.667 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi, tội lỗi của mình. Trong khoảng thời gian ngày 14/7/2021 đến ngày 01/10/2021 các bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng năng phạm tội hai lần trở lên và bị cáo T có một tiền án về hành vi Trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này

của bị cáo là tái phạm được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật, cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với tội lỗi của các bị cáo nhằm giúp cho các bị cáo có điều kiện học tập cải tạo trở thành người tốt hơn cho xã hội, sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, đồng thời cũng nhằm để có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo T đang phải chấp hành hình phạt tù theo bản án số 32/2022/HSST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 62/2022/HSST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án số 42/2022/HSST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ. Bị cáoB đang chấp hành Bản án số 42/2022/HSST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ. Do đó cần tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bản án số 201/2023/HS-ST ngày 10/5/2023 Tòa án nhân dân thành phố BH tỉnh ĐN xử phạt bị cáo T 01 năm 6 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do chưa có hiệu lực pháp luật nên sẽ được tổng hợp sau.

[3] Khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo một số tình tiết: Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả cho bị hại. Sau khi bị phát hiện bị cáo B đã tự nguyện trả lại số tiền được chia cho bị cáo T. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T đang mang thai. Gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[4]Về hình phạt bổ sung qui định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn hình phạt đối với các bị cáo.

[5]Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại anh C, anh T vắng mặt nhưng qua hồ sơ thể hiện các anh đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt hiện không thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại.

Anh Phạm Tiến D và anh Phạm Tuyến D không biết xe bị cáo T bán là do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Anh D và anh D yêu cầu bị cáo T bồi thường cho mỗi người là 15.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 10/8/2022 bút lục số 115 bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh D, anh D. Hội đồng xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện không trái pháp luật nên ghi nhận.

[6] Đối với hành vi dùng Chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Thị Tuyết T có dán ảnh của bị cáo B do không thu giữ được chứng minh nhân dân, xác minh không có tên Lê Thị Tuyết T tại nơi cư trú nên chưa đủ cơ sở xử lý bị cáo B về hành vi sửa chữa, sử dụng con dấu, tài liệu giả của Cơ quan tổ chức.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đăng Cát T và Nguyễn Thị B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s, n khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Cát T 02 (Hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 32/2022/HSST ngày 9/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 62/2022/HSST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và 03 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 42/2022/HSST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/5/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm 6 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 42/2022/HSST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/5/2022.

Căn cứ Điều 46; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

Buộc bị cáo T bồi thường cho anh Phạm Tiến D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) đồng và bồi thường cho anh Phạm Tuyến D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

Kể từ khi anh D, anh D có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và bị cáo T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Bị cáo B có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị cáo T, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Thi hành án Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người CQLNVLQ
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Bảo Thu

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**